

- Câu 1:** Thuộc vùng biển nước ta, có khoảng bao nhiêu hòn đảo lớn nhỏ?
A. 3000. B. 4000. C. 2000. D. 5000.
- Câu 2:** Điện ở nước ta được sản xuất chủ yếu từ các nguồn nào sau đây?
A. Nhiệt điện và thủy điện. B. Nhiệt điện và năng lượng mặt trời.
C. Thủy điện và điện gió. D. Thủy điện và điện hạt nhân.
- Câu 3:** Tiềm năng kinh tế lớn nhất của Duyên hải Nam Trung Bộ là
A. phát triển tổng hợp kinh tế biển. B. phát triển thủy điện.
C. phát triển nông nghiệp. D. khai thác chế biến khoáng sản.
- Câu 4:** Ở nước ta hiện nay, tổ chức lãnh thổ nông nghiệp được xác định gồm bao nhiêu vùng?
A. 7 vùng. B. 6 vùng. C. 3 vùng. D. 9 vùng.
- Câu 5:** Đô thị nào sau đây được xem là đô thị đầu tiên của nước ta?
A. Phố Hiến. B. Hội An. C. Cổ Loa. D. Phú Xuân.
- Câu 6:** Về mặt lãnh thổ, tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta được chia thành bao nhiêu vùng?
A. 7. B. 3. C. 6. D. 5.
- Câu 7:** Trong số 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, dân số nước ta đứng thứ
A. 11. B. 13. C. 12. D. 10.
- Câu 8:** Thế mạnh nào sau đây **không phải** của Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. Chăn nuôi gia cầm. B. Khai thác, chế biến khoáng sản, thủy điện.
C. Kinh tế biển. D. Trồng cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới.
- Câu 9:** Ngư trường nào **không phải** là ngư trường trọng điểm của nước ta?
A. Hoàng Sa – Trường Sa. B. Cà Mau – Kiên Giang.
C. Phú Yên – Khánh Hoà. D. Hải Phòng – Quảng Ninh.
- Câu 10:** Ý nào sau đây **không đúng** với vùng kinh tế trọng điểm?
A. Bao gồm phạm vi nhiều tỉnh, thành phố. B. Hội tụ đầy đủ các thế mạnh.
C. Có tỉ trọng lớn trong GDP cả nước. D. Có ranh giới cố định theo thời gian.
- Câu 11:** Cảng nào sau đây là cảng sông nhưng lại được xem như một cảng biển?
A. Đà Nẵng. B. Vũng Tàu. C. Sài Gòn. D. Nha Trang.
- Câu 12:** Yếu tố nào sau đây đóng vai trò quyết định đến việc hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ?
A. Đất. B. Khí hậu. C. Địa hình. D. Sông ngòi.
- Câu 13:** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết quốc gia và vùng lãnh thổ nào có giá trị xuất – nhập khẩu cao nhất với nước ta?
A. Hoa Kỳ. B. Nhật Bản. C. Đài Loan. D. Trung Quốc.
- Câu 14:** Thế mạnh nông nghiệp của vùng đồng bằng nước ta là
A. trồng cây hằng năm, chăn nuôi gia súc lớn. B. trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản.
C. trồng cây lâu năm, chăn nuôi gia súc nhỏ. D. trồng cây hằng năm, nuôi trồng thủy sản.
- Câu 15:** Khó khăn lớn nhất trong sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên là
A. có mùa khô sâu sắc, kéo dài. B. địa hình phân hóa theo độ cao.
C. đất bị xói mòn. D. địa hình hiểm trở.
- Câu 16:** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết tuyến đường Quốc lộ 1 **không** đi qua vùng kinh tế nào sau đây?
A. Tây Nguyên. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 17: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết cây công nghiệp nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất vùng Đông Nam Bộ?

- A. Hồ tiêu. B. Cà phê. C. Điều. D. Cao su.

Câu 18: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết GDP theo ngành của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam được xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp là

- A. công nghiệp và xây dựng, dịch vụ, nông-lâm-thủy sản.
B. nông-lâm-thủy sản, công nghiệp và xây dựng, dịch vụ.
C. dịch vụ, nông-lâm-thủy sản, công nghiệp và xây dựng.
D. dịch vụ, công nghiệp và xây dựng, nông-lâm-thủy sản.

Câu 19: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết đảo nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Cát Bà. B. Côn Đảo. C. Bạch Long Vĩ. D. Phú Quốc.

Câu 20: Người dân Đồng bằng sông Cửu Long cần phải làm gì để giảm thiệt hại vào mùa lũ?

- A. Chủ động sống chung với lũ và khai thác các nguồn lợi do lũ đem lại.
B. Không định cư ở những nơi có lũ.
C. Di chuyển đến những nơi cao để tránh lũ, đồng thời khai thác nguồn lợi từ lũ.
D. Xây nhà cao tầng hoặc nhà bằng vật liệu nhẹ, dễ di chuyển khi có lũ.

Câu 21: Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu sản lượng điện nước ta hiện nay là

- A. điện nguyên tử. B. thủy điện.
C. các nguồn năng lượng khác. D. nhiệt điện.

Câu 22: Điểm nào sau đây **không đúng** với tiềm năng phát triển nghề cá của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bờ biển dài, có nhiều bãi tôm, bãi cá.
B. Bờ biển có nhiều vụng, đầm phá.
C. Tỉnh nào cũng giáp biển.
D. Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản nhỏ.

Câu 23: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất trên 1000MW?

- A. Phả Lại, Phú Mỹ, Cà Mau. B. Hòa Bình, Phả Lại, Phú Mỹ.
C. Phả Lại, Phú Mỹ, Trà Nóc. D. Bà Rịa, Phả Lại, Uông Bí.

Câu 24: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết cây công nghiệp nào được trồng nhiều nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Lạc. B. Cà phê. C. Chè. D. Bông.

Câu 25: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết cơ cấu lao động đang làm việc phân theo khu vực kinh tế công nghiệp từ năm 1995 – 2007 có sự chuyển dịch theo hướng

- A. không ổn định. B. tăng liên tục. C. không thay đổi. D. giảm liên tục.

Câu 26: Trong những năm gần đây, nước ta đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động nhằm

- A. góp phần đa dạng hoá các hoạt động sản xuất.
B. đa dạng hoá các loại hình đào tạo.
C. giúp phân bố lại dân cư và nguồn lao động.
D. hạn chế tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm.

Câu 27: Nhận định nào đúng nhất về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành của vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, nhưng đã phát huy được thế mạnh của vùng.
B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tuy nhiên diễn ra còn chậm.
C. Có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
D. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tương đối nhanh nhưng nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng cao.

Câu 28: Ý nghĩa của việc hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa của vùng.
B. khai thác tốt thế mạnh vùng đồi núi phía Tây.
C. khai thác hết tiềm năng vùng đồng bằng và thềm lục địa.
D. tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian.

Câu 29: Nghề nuôi cá nước ngọt ở nước ta phát triển nhất trên hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Thái Bình. B. Sông Đà Rằng. C. Sông Hồng. D. Sông Cửu Long.

Câu 30: Việc áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng chủ yếu là do có sự phân hóa của điều kiện nào sau đây?

- A. Địa hình và khí hậu. B. Địa hình và sông ngòi.
C. Địa hình và đất trồng. D. Đất trồng và sông ngòi.

Câu 31: Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ, vấn đề cần quan tâm thường xuyên là

- A. chuyển dịch cơ cấu ngành. B. bảo vệ môi trường.
C. tăng nhanh sản lượng. D. tổ chức không gian lãnh thổ.

Câu 32: Để hạn chế những rủi ro trong sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên, giải pháp hiệu quả nhất là

- A. tăng cường chuyên môn hoá các sản phẩm cây công nghiệp.
B. mở rộng diện tích cây công nghiệp.
C. tăng cường lực lượng lao động có tay nghề.
D. đa dạng hoá các sản phẩm cây công nghiệp.

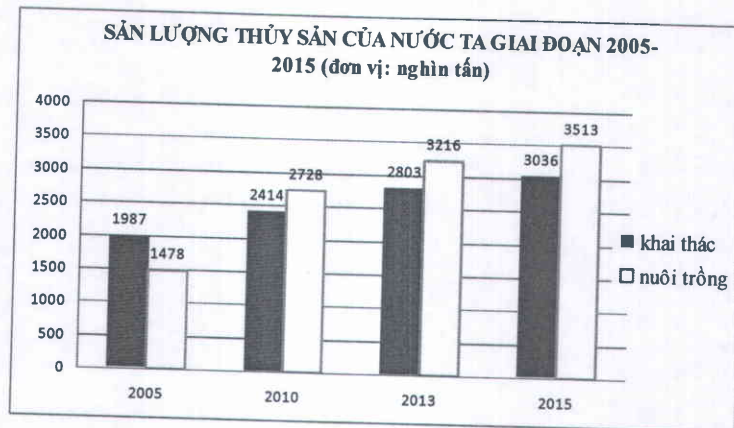
Câu 33: Để phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội và môi trường, đồng bằng sông Cửu Long cần phải

- A. bảo vệ rừng tràm và rừng ngập mặn ven biển.
B. phá thế độc canh cây lúa, mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp và cây ăn quả.
C. khai thác tổng thể biển - đảo - đất liền gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.
D. đẩy mạnh nuôi trồng và chế biến thủy, hải sản.

Câu 34: Cơ sở để phân chia ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm thành 3 phân ngành là dựa vào

- A. phân bố sản xuất. B. nguồn nguyên liệu.
C. đặc điểm sản xuất. D. công dụng của sản phẩm.

Câu 35: Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng với sản lượng thủy sản của nước ta trong giai đoạn 2005-2015?

- A. Sản lượng thủy sản nuôi trồng thấp hơn sản lượng thủy sản khai thác.
B. Sản lượng thủy sản khai thác tăng nhanh nhất.
C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh nhất.
D. Sản lượng thủy sản khai thác tăng nhanh hơn so với tổng sản lượng thủy sản.

Câu 36: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THỦY SẢN NƯỚC TA NĂM 2010 - 2013

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2010	2013
Giá trị sản xuất thủy sản	176 548	188 083,9
Nuôi trồng thủy sản	106 570,1	115 060,6
Khai thác thủy sản	69 977,9	73 023,3

(Nguồn từ Tổng cục thống kê năm 2014)

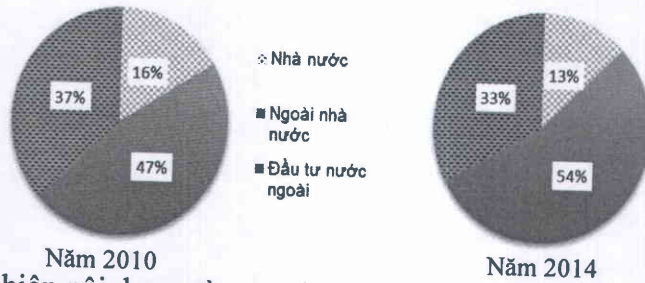
Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Giá trị nuôi trồng thủy sản tăng, giá trị khai thác thủy sản giảm.
- B. Giá trị nuôi trồng và khai thác thủy sản tăng.
- C. Giá trị nuôi trồng và khai thác thủy sản giảm.
- D. Giá trị nuôi trồng thủy sản giảm, giá trị khai thác thủy sản tăng.

Câu 37: Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu là nhờ có

- A. đường bờ biển dài, có nhiều đảo ven bờ.
- B. nhiều vũng, vịnh, mực nước sâu, kín gió.
- C. nhiều vũng, vịnh sâu nối liền với các cửa sông lớn.
- D. nền kinh tế phát triển, nhu cầu xây dựng cảng là rất lớn.

Câu 38: Cho biểu đồ sau



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế của Đông Nam Bộ.
- B. Giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế của Đông Nam Bộ.
- C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế theo thành phần kinh tế của Đông Nam Bộ.
- D. So sánh giá trị sản xuất theo thành phần kinh tế của Đông Nam Bộ.

Câu 39: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC THAN SẠCH VÀ DẦU THÔ CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: nghìn tấn)

Sản lượng khai thác	2010	2011	2012	2013	2014
Than sạch	44 835	46 611	42 083	41 064	41 086
Dầu thô	15 014	15 185	16 739	16 705	17 392

(Nguồn: Niên giám thống kê, NXB Thống kê 2015)

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

- A. Sản lượng khai thác than sạch không ổn định và có xu hướng giảm.
- B. Sản lượng khai thác dầu thô không ổn định.
- C. Sản lượng khai thác dầu thô tăng liên tục qua các năm.
- D. Sản lượng khai thác than sạch luôn cao hơn sản lượng dầu thô.

Câu 40: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG, GIAI ĐOẠN 1986 – 2005

(Đơn vị: %)

Khu vực kinh tế	1986	1990	1995	2000	2005
Nông – lâm – ngư nghiệp	49,5	45,6	32,6	29,1	25,1
Công nghiệp – xây dựng	21,5	22,7	25,4	27,5	29,9
Dịch vụ	29,0	31,7	42,0	43,4	45,0

(Nguồn: Số liệu SGK Địa lý 12, NXB Giáo Dục Việt Nam năm 2015)

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành của đồng bằng sông Hồng giai đoạn 1986 – 2005, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ tròn.
- B. Biểu đồ miền.
- C. Biểu đồ cột.
- D. Biểu đồ đường.

- HẾT -

Họ và tên thí sinh: _____

Số báo danh: _____

Chữ ký Giám thị: _____

- Câu 1:** Ở nước ta hiện nay, tổ chức lãnh thổ nông nghiệp được xác định gồm bao nhiêu vùng?
A. 9 vùng. B. 6 vùng. C. 7 vùng. D. 3 vùng.
- Câu 2:** Thuộc vùng biển nước ta, có khoảng bao nhiêu hòn đảo lớn nhỏ?
A. 2000. B. 4000. C. 5000. D. 3000.
- Câu 3:** Điện ở nước ta được sản xuất chủ yếu từ các nguồn nào sau đây?
A. Nhiệt điện và năng lượng mặt trời. B. Thủy điện và điện hạt nhân.
C. Nhiệt điện và thủy điện. D. Thủy điện và điện gió.
- Câu 4:** Tiềm năng kinh tế lớn nhất của Duyên hải Nam Trung Bộ là
A. phát triển nông nghiệp. B. phát triển thủy điện.
C. khai thác chế biến khoáng sản. D. phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- Câu 5:** Trong số 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, dân số nước ta đứng thứ
A. 12. B. 13. C. 10. D. 11.
- Câu 6:** Cảng nào sau đây là cảng sông nhưng lại được xem như một cảng biển?
A. Đà Nẵng. B. Vũng Tàu. C. Sài Gòn. D. Nha Trang.
- Câu 7:** Thế mạnh nào sau đây **không phải** của Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. Chăn nuôi gia cầm. B. Khai thác, chế biến khoáng sản, thủy điện.
C. Kinh tế biển. D. Trồng cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới.
- Câu 8:** Yếu tố nào sau đây đóng vai trò quyết định đến việc hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ?
A. Đất. B. Khí hậu. C. Địa hình. D. Sông ngòi.
- Câu 9:** Ý nào sau đây **không đúng** với vùng kinh tế trọng điểm?
A. Bao gồm phạm vi nhiều tỉnh, thành phố. B. Hội tụ đầy đủ các thế mạnh.
C. Có tỉ trọng lớn trong GDP cả nước. D. Có ranh giới cố định theo thời gian.
- Câu 10:** Về mặt lãnh thổ, tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta được chia thành bao nhiêu vùng?
A. 5. B. 3. C. 6. D. 7.
- Câu 11:** Ngư trường nào **không phải** là ngư trường trọng điểm của nước ta?
A. Cà Mau – Kiên Giang. B. Hải Phòng – Quảng Ninh.
C. Phú Yên – Khánh Hoà. D. Hoàng Sa – Trường Sa.
- Câu 12:** Đô thị nào sau đây được xem là đô thị đầu tiên của nước ta?
A. Phú Xuân. B. Hội An. C. Cổ Loa. D. Phố Hiến.
- Câu 13:** Người dân Đồng bằng sông Cửu Long cần phải làm gì để giảm thiệt hại vào mùa lũ?
A. Chủ động sống chung với lũ và khai thác các nguồn lợi do lũ đem lại.
B. Không định cư ở những nơi có lũ.
C. Di chuyển đến những nơi cao để tránh lũ, đồng thời khai thác nguồn lợi từ lũ.
D. Xây nhà cao tầng hoặc nhà bằng vật liệu nhẹ, dễ di chuyển khi có lũ.
- Câu 14:** Trong những năm gần đây, nước ta đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động nhằm
A. giúp phân bố lại dân cư và nguồn lao động.
B. hạn chế tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm.
C. đa dạng hoá các loại hình đào tạo.
D. góp phần đa dạng hoá các hoạt động sản xuất.
- Câu 15:** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết cây công nghiệp nào được trồng nhiều nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. Lạc. B. Cà phê. C. Bông. D. Chè.